



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG LAI

Trụ sở : 181/61/2 Phan Đăng Lưu - Phường 01, Quận Phú Nhuận

VPGD : 76 Đường 20 (Đường M3) KCN Tân Bình mở rộng, Q Bình Tân, TP HCM



Tel: (84-8)62705037 – Fax : 37658476 – MST : 0303750548

Email : phuonglaiplc@gmail.com – Website : http://dien-congnghep.com

BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG ĐÚC HIỆU OMEGA (VIỆT NAM)

Áp dụng từ 01/03/2012 - Giá chưa bao gồm thuế VAT

STT	HÌNH ẢNH	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH TRONG (mm)	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	DÀY (mm)	ĐƠN GIÁ (VND)
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG HÌNH XUYẾN						
1		MCT 50/5A; CL. 1; 5VA , có Busbar	x	100	80	466,000
2		MCT 75/5A; CL. 1; 5VA , có Busbar	x	100	70	466,000
3		MCT 50/5A; CL. 3; 5VA	25	100	80	441,000
4		MCT 75/5A; CL. 3; 5VA	25	100	70	441,000
5		MCT 100/5A; CL. 1; 5VA	28	100	60	366,000
6		MCT 150/5A; CL. 1; 5VA	28	100	60	353,000
7		MCT 200/5A; CL. 1; 5VA	42	100	60	288,000
8		MCT 250/5A; CL. 1; 5VA	42	100	60	288,000
9		MCT 300/5A; CL. 1; 5VA	42	100	55	288,000
10		MCT 400/5A; CL. 1; 5VA	60	115	45	297,000
11		MCT 500/5A; CL. 1; 5VA	60	115	40	308,000
12		MCT 600/5A; CL. 1; 5VA	60	115	40	317,000
13		MCT 800/5A; CL. 1; 15VA	85	135	45	339,000
14		MCT 1000/5A; CL. 1; 15VA	85	135	45	356,000
15		MCT 1200/5A; CL. 1; 15VA	85	145	40	420,000
16		MCT 1600/5A; CL. 1; 15VA	85	150	40	432,000
17		MCT 2000/5A; CL. 1; 15VA	125	195	40	475,000
18		MCT 2500/5A; CL. 1; 15VA	125	195	40	490,000
19		MCT 3000/5A; CL. 1; 15VA	125	200	40	519,000
20		MCT 4000/5A; CL. 1; 15VA	125	210	40	658,000
21		MCT 5000/5A; CL. 1; 15VA	160	235	40	809,000
22		MCT 6000/5A; CL. 1; 15VA	160	240	40	908,000
23	MCT 10000/5A; CL. 1; 15VA	250	340	55	1,949,000	
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG HÌNH CHỮ NHẬT						
1		MCT 1000/5A; CL. 1; 15VA	50 x 80	110 x 140	55	356,000
2		MCT 1200/5A; CL. 1; 15VA	50 x 80	110 x 140	55	420,000
3		MCT 1600/5A; CL. 1; 15VA	50 x 80	110 x 140	55	432,000
4		MCT 2000/5A; CL. 1; 15VA	50 x 80	110 x 140	55	475,000
5		MCT 2500/5A; CL. 1; 15VA	80 x 120	140 x 180	55	490,000
6		MCT 3000/5A; CL. 1; 15VA	80 x 120	140 x 180	55	519,000
7		MCT 4000/5A; CL. 1; 15VA	80 x 150	145 x 215	55	658,000
8		MCT 5000/5A; CL. 1; 15VA	80 x 150	150 x 220	55	809,000
9		MCT 6000/5A; CL. 1; 15VA	80 x 150	160 x 220	55	908,000
10		MCT 10000/5A; CL. 1; 15VA	100 x 200	180 x 280	55	1,949,000

STT	HÌNH ẢNH	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH TRONG (mm)	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	DÀY (mm)	ĐƠN GIÁ (VND)
BIẾN DÒNG BẢO VỆ HÌNH XUYÊN						
1		PCT 100/5A, CL. 5P10, 15VA	30	100	140	863,000
2		PCT 150/5A, CL. 5P10, 15VA	30	100	120	863,000
3		PCT 200/5A, CL. 5P10, 15VA	42	105	110	738,000
4		PCT 250/5A, CL. 5P10, 15VA	42	105	105	738,000
5		PCT 300/5A, CL. 5P10, 15VA	42	105	100	627,000
6		PCT 400/5A, CL. 5P10, 15VA	60	115	85	619,000
7		PCT 500/5A, CL. 5P10, 15VA	60	115	75	597,000
8		PCT 600/5A, CL. 5P10, 15VA	60	115	70	590,000
9		PCT 800/5A, CL. 5P10, 15VA	85	145	55	605,000
10		PCT 1000/5A, CL. 5P10, 15VA	85	145	55	583,000
11		PCT 1200/5A, CL. 5P10, 15VA	85	145	55	597,000
12		PCT 1600/5A, CL. 5P10, 15VA	85	145	55	605,000
13		PCT 2000/5A, CL. 5P10, 15VA	125	195	45	615,000
14		PCT 2500/5A, CL. 5P10, 15VA	125	200	45	647,000
15		PCT 3000/5A, CL. 5P10, 15VA	125	205	45	663,000
16		PCT 4000/5A, CL. 5P10, 15VA	125	210	45	814,000
17		PCT 5000/5A, CL. 5P10, 15VA	160	230	45	1,063,000
18		PCT 6000/5A, CL. 5P10, 15VA	160	240	45	1,113,000
19		PCT 10000/5A, CL. 5P10, 15VA	250	350	55	2,650,000
BIẾN DÒNG BẢO VỆ HÌNH CHỮ NHẬT						
1		PCT 1000/5A, CL. 5P10, 15VA	50 x 80	110 x 140	85	583,000
2		PCT 1200/5A, CL. 5P10, 15VA	50 x 80	110 x 140	85	605,000
3		PCT 1600/5A, CL. 5P10, 15VA	50 x 80	110 x 140	70	605,000
4		PCT 2000/5A, CL. 5P10, 15VA	50 x 80	110 x 140	70	615,000
5		PCT 2500/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 120	140 x 180	70	647,000
6		PCT 3000/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 120	140 x 180	70	663,000
7		PCT 4000/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 150	145 x 215	70	814,000
8		PCT 5000/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 150	150 x 220	70	1,063,000
9		PCT 6000/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 150	160 x 220	70	1,113,000
10		PCT 10000/5A, CL. 5P10, 15VA	80 x 150	160 x 220	70	2,650,000